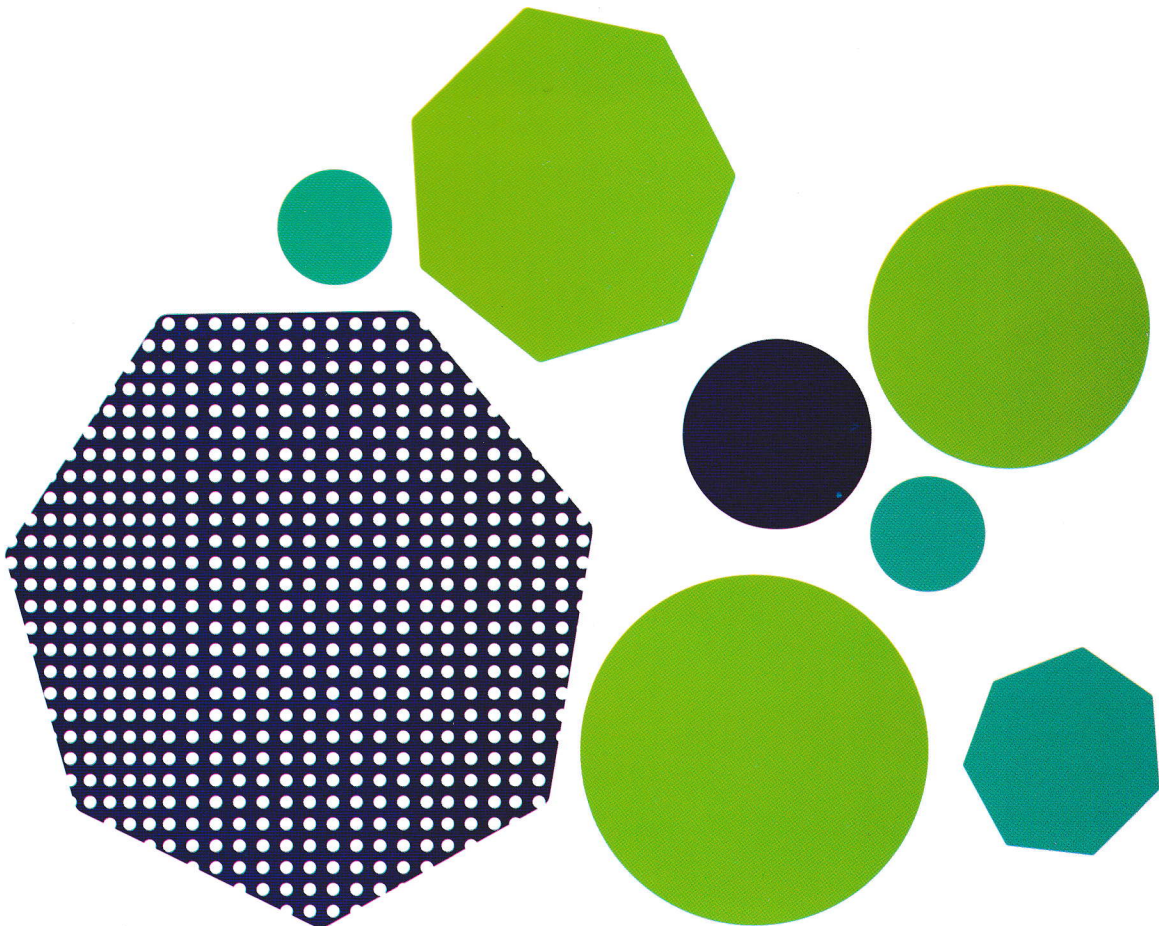




CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY
CHI NHÁNH HÀI PHÒNG

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÀNH THÁI

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÀNH THÁI

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022**

Tháng 03 năm 2023

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	01 - 02
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	03 - 04
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	05 - 06
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	07
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	08
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	09 - 29

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thành Thái (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Phạm Thị Minh Yên

Trịnh Thanh Nhân

Trần Trung Hiếu

Chủ tịch

Thành viên

Thành viên

Ban Giám đốc

Nguyễn Đức Dũng

Phạm Bá Chính

Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 20/09/2022)

Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 20/09/2022)

Người đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Doanh nghiệp trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Bà Phạm Thị Minh Yên

Chủ tịch hội đồng quản trị

Bà Phạm Thị Minh Yên đã ủy quyền cho Ông Phạm Bá Chính ký Báo cáo tài chính hợp cộng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 theo Giấy ủy quyền số 03/2022-TTC/UQ ngày 01 tháng 10 năm 2022.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính kèm theo.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÀNH THÁI

Số 6 đường Nguyễn Trãi, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền,
Thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Giám đốc đảm bảo các số kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Doanh nghiệp với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số kế toán và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các Quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Doanh nghiệp và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

Theo ý kiến của Ban Giám đốc Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Phạm Bá Chính
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 15 tháng 03 năm 2023

Số: 09/BCKT-UHYHP

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Tập đoàn Thành Thái**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thành Thái (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 15 tháng 03 năm 2023, từ trang 05 đến trang 29, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty được kiểm toán bởi một Công ty kiểm toán khác và Công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần tại Báo cáo kiểm toán số 3006.02.02/2021/BCTC.NV2 ngày 21 tháng 03 năm 2022.



Nguyễn Hồng Hiền
Giám đốc Chi nhánh
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 1117-2023-112-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN
UHY - CHI NHÁNH HẢI PHÒNG
Hải Phòng, ngày 15 tháng 03 năm 2023

Nguyễn Đức Quỳnh
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm
toán số: 1016-2022-112-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		62.514.006.193	263.516.498.914
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	3.217.323.401	499.835.059
1. Tiền	111		3.217.323.401	499.835.059
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	-	143.795.805.865
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	131.286.444.715
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	(1.490.638.850)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	14.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		26.078.491.584	61.205.200.913
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	27.345.492.500	14.062.945.987
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	3.816.000	41.700.541.471
3. Phải thu ngắn hạn khác	136		16.600.000	6.729.130.371
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	7	(1.287.416.916)	(1.287.416.916)
IV. Hàng tồn kho	140	9	30.219.437.589	52.101.230.488
1. Hàng tồn kho	141		30.219.437.589	52.101.230.488
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.998.753.619	5.914.426.589
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		44.701.775	121.779.212
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.340.785.134	3.907.483.534
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	14	1.613.266.710	1.885.163.843
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		6.428.353.550	10.682.160.568
I. Tài sản cố định	220		5.887.708.473	5.739.019.880
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	4.612.198.313	4.341.060.736
- Nguyên giá	222		29.093.413.730	28.727.012.736
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(24.481.215.417)	(24.385.952.000)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	1.275.510.160	1.397.959.144
- Nguyên giá	228		3.177.697.312	3.177.697.312
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.902.187.152)	(1.779.738.168)
II. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5	-	4.000.000.000
1. Đầu tư tài chính dài hạn khác	253		-	4.000.000.000
III. Tài sản dài hạn khác	260		540.645.077	943.140.688
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		540.645.077	943.140.688
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		68.942.359.743	274.198.659.482

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		27.719.320.943	200.674.586.809
I. Nợ ngắn hạn	310		27.719.320.943	200.674.586.809
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	4.217.458.529	268.749.130
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	13	102.842.181	29.235.466.530
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	-	347.412.924
4. Phải trả người lao động	314		-	503.755.441
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		31.818.181	59.297.349
6. Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		126.672.819	93.222.599
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	15	22.665.697.670	169.491.771.273
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		574.831.563	674.911.563
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		41.223.038.800	73.524.072.673
I. Vốn chủ sở hữu	410	16	41.223.038.800	73.524.072.673
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		52.000.000.000	52.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411		52.000.000.000	52.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(2.696.860.498)	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		5.200.000.000	5.200.000.000
4. Cổ phiếu quỹ	415		(2.817.747)	(7.774.838.245)
5. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.301.511.824	1.301.511.824
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(14.578.794.779)	22.797.399.094
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421		17.722.239.094	17.055.349.670
- LNST chưa phân phối năm nay	421		(32.301.033.873)	5.742.049.424
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		68.942.359.743	274.198.659.482

Mạc Thị Nhung
Người lập biểu
Ngày 15 tháng 03 năm 2023

Mạc Thị Nhung
Kế toán trưởng




Phạm Bá Chính
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		226.338.407.520	349.643.463.787
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)	10	19	226.338.407.520	349.643.463.787
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	20	219.836.703.432	332.360.651.401
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)	20		6.501.704.088	17.282.812.386
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	5.686.802.766	1.469.874.748
7. Chi phí tài chính	22	22	36.923.104.160	1.844.917.761
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		6.381.120.586	2.954.776.068
8. Chi phí bán hàng	25	23	3.858.323.987	4.462.264.491
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	23	4.290.793.356	5.494.617.283
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		(32.883.714.649)	6.950.887.599
11. Thu nhập khác	31		605.270.388	379.414.471
12. Chi phí khác	32		22.589.612	107.220.290
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40	24	582.680.776	272.194.181
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(32.301.033.873)	7.223.081.780
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	25	-	1.481.032.356
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51)	60		(32.301.033.873)	5.742.049.424
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	26	(6.212)	1.104


Mạc Thị Nhung
Người lập biểu
Ngày 15 tháng 03 năm 2023


Mạc Thị Nhung
Kế toán trưởng



Phạm Bá Chính
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: VND	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và	01		206.862.937.336	437.775.418.714
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(71.589.734.680)	(545.519.813.910)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(3.906.996.230)	(5.122.715.000)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(3.485.689.132)	(1.399.143.766)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(347.412.924)	(441.864.196)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		315.372.526	28.506.338.871
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(409.120.000)	(43.660.658.868)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		127.439.356.896	(129.862.438.155)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(21.589.329)	(152.108.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		6.677.740.909	878.823.772
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(19.000.000.000)	(14.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		37.000.000.000	2.055.482.191
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		696.765.501	1.373.957.917
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		25.352.917.081	(9.843.844.120)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		587.861.074.079	293.828.890.025
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(737.936.069.525)	(155.736.255.311)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(7.601.326.135)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(150.074.995.446)	130.491.308.579
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)	50		2.717.278.531	(9.214.973.696)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4	499.835.059	9.715.054.616
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		209.811	(245.861)
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70	4	3.217.323.401	499.835.059



Mạc Thị Nhung
Người lập biểu
Ngày 15 tháng 03 năm 2023



Mạc Thị Nhung
Kế toán trưởng




Phạm Bá Chính
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Tập Đoàn Thành Thái là Doanh nghiệp cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0200412681 đăng ký lần đầu ngày 02/01/2001 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp và thay đổi lần thứ 15 ngày 21/12/2021.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hà Nội với mã chứng khoán là KKC.

Vốn Điều lệ theo Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 15 là: 52.000.000.000 đồng.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Bốc xếp hàng hóa; Bốc xếp hàng hóa; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống; Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu; Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu; Tái chế phế liệu; Khai thác quặng sắt; Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt; cho thuê xe có động cơ; Hoạt động của các cơ sở thể thao; Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao; Xây dựng nhà để ở; Xây dựng nhà không để ở; Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng; Hoàn thiện công trình xây dựng; Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác; Bán lẻ ô tô con; Đại lý ô tô và xe có động cơ khác; Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác; Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ; Bán mô tô, xe máy; Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy; Đại lý, môi giới, đấu giá bán hàng; Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác; Vận tải và đại lý vận tải hàng hóa thủy bộ; Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống lưu động; Cho thuê máy móc thiết bị và đồ dùng hữu hình khác; Đại lý tua du lịch; dịch vụ đặt chỗ; Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại; Hoạt động vui chơi, giải trí.

Hoạt động chính của Công ty là: Sản xuất và kinh doanh sắt thép các loại; Xây dựng nhà để ở; Xây dựng nhà không để ở.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán (Tiếp theo)

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định trong thời gian không quá 03 tháng và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)*****Chứng khoán kinh doanh (Tiếp theo)***

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá gốc. Việc xác định giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa tại ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp tại ngày kết thúc năm tài chính thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc năm tài chính.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.

Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế bao gồm giá thành thực tế của tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế và chi phí lắp đặt chạy thử.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (tiếp theo)**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm khấu hao</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc thiết bị	05 – 15
Thiết bị quản lý	03 – 10
Phương tiện vận tải	06 – 10

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao***Quyền sử dụng đất***

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty là Quyền sử dụng đất thuê trả tiền một lần cho toàn bộ thời gian thuê tại An Hồng, An Dương, Hải Phòng.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Các khoản chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định hiện hành.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Doanh nghiệp, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu: Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần: Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu: Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Cổ phiếu quỹ: Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)**

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập hiện hành. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Thuế (Tiếp theo)**

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý. Tất cả các giao dịch và số dư với các bên liên quan phát sinh năm 2022 được trình bày tại các Thuyết minh dưới đây.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	2.160.767.768	113.871.106
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.056.555.633	385.963.953
Cộng	3.217.323.401	499.835.059

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÀNH THÁISố 6 đường Nguyễn Trãi, Phường Máy Tơ
Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng**MẪU SỐ B 09 -DN**Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính***5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH***Chứng khoán kinh doanh*

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Số lượng Cổ phiếu	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Số lượng Cổ phiếu	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tập đoàn xăng dầu Việt Nam (PLX)	-	-	-	200.000	10.417.452.775	-
Tập đoàn Vingroup - CTCP (VIC)	-	-	-	165.100	17.191.648.850	(1.490.638.850)
Công ty Cổ phần Vinhomes (VHM)	-	-	-	1.305.500	103.677.343.090	-
Cộng	-	-	-	1.670.600	131.286.444.715	(1.490.638.850)

Đầu tư tài chính

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
<i>Ngắn hạn</i>	-	-	14.000.000.000	14.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn (1)	-	-	14.000.000.000	14.000.000.000
<i>Dài hạn</i>	-	-	4.000.000.000	4.000.000.000
Trái phiếu (2)	-	-	4.000.000.000	4.000.000.000
Cộng	-	-	18.000.000.000	18.000.000.000

(1) Tiền gửi có kỳ đầu kỳ hạn phản ánh khoản tiền gửi có thời gian đáo hạn dưới 12 tháng tại ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Ngô Quyền được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – CN Ngô Quyền.

(2) Trong năm, Công ty đã thanh lý trái phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÀNH THÁISố 6 đường Nguyễn Trãi, Phường Máy Tơ,
Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng**MẪU SỐ B 09 -DN**Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính***6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<i>Phải thu của khách hàng ngắn hạn</i>	<u>27.345.492.500</u>	<u>14.062.945.987</u>
Công ty Cổ phần Thành Đức Holding	21.548.762.802	-
Công ty TNHH Sản xuất và TM Thép Bắc Việt	3.516.080.675	12.745.131.069
Doanh nghiệp tư nhân Phương Lưu	789.002.100	789.002.100
Đối tượng khác	1.491.646.923	528.812.818
Cộng	<u>27.345.492.500</u>	<u>14.062.945.987</u>
<i>Phải thu của khách hàng là các bên liên quan</i>		
<i>(Chi tiết xem tại thuyết minh 28)</i>		

7. NỢ XẤU

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Trích lập	Giá gốc	Trích lập
	VND	dự phòng VND	VND	dự phòng VND
DN tư nhân Phương Lưu	789.002.100	(789.002.100)	789.002.100	(789.002.100)
Cty cơ khí XDCT giao thông 121	110.876.177	(110.876.177)	110.876.177	(110.876.177)
Cty CP thép Châu Phong	146.318.825	(146.318.825)	146.318.825	(146.318.825)
Khác	241.219.814	(241.219.814)	241.219.814	(241.219.814)
Cộng	<u>1.287.416.916</u>	<u>(1.287.416.916)</u>	<u>1.287.416.916</u>	<u>(1.287.416.916)</u>

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<i>Người mua trả tiền trước ngắn hạn</i>	<u>3.816.000</u>	<u>41.700.541.471</u>
Công ty TNHH TM Kim Khí XNK Huy Hoàng	-	39.291.425.032
Đối tượng khác	3.816.000	2.409.116.439
Cộng	<u>3.816.000</u>	<u>41.700.541.471</u>

9. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng hóa	30.219.437.589	-	52.101.230.488	-
Cộng	<u>30.219.437.589</u>	<u>-</u>	<u>52.101.230.488</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÀNH THÁISố 6 đường Nguyễn Trãi, Phường Máy Tơ,
Quận Ngô Quyền, hành phố Hải Phòng**MẪU SỐ B 09 -DN**Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính***10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	TSCĐ hữu hình khác VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày đầu năm	15.667.228.810	4.636.602.637	8.186.273.301	33.445.455	203.462.533	28.727.012.736
Tăng do mua mới	1.509.779.630	4.990.740.740	820.802.929	-	154.545.455	7.475.868.754
Thanh lý	-	(4.990.740.740)	(1.964.181.565)	-	(154.545.455)	(7.109.467.760)
Tại ngày cuối năm	17.177.008.440	4.636.602.637	7.042.894.665	33.445.455	203.462.533	29.093.413.730
HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày đầu năm	12.182.615.196	4.423.249.171	7.675.512.117	33.445.455	71.130.061	24.385.952.000
Khấu hao trong năm	748.178.131	88.100.637	263.683.788	-	32.122.035	1.132.084.591
Thanh lý	-	(34.762.269)	(997.592.874)	-	(4.466.031)	(1.036.821.174)
Tại ngày cuối năm	12.930.793.327	4.476.587.539	6.941.603.031	33.445.455	98.786.065	24.481.215.417
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày đầu năm	3.484.613.614	213.353.466	510.761.184	-	132.332.472	4.341.060.736
Tại ngày cuối năm	4.246.215.113	160.015.098	101.291.634	-	104.676.468	4.612.198.313

Nguyên giá của TSCĐ bao gồm các TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2022 với giá trị 17.648.852.304 VND (ngày 01/01/2022: 19.765.352.334 VND).

Như trình bày tại Thuyết minh số 15, Công ty đã thế chấp một số tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 3.854.508.718 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2021: 3.854.508.718 VND) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÀNH THÁI

Số 6 đường Nguyễn Trãi, Phường Máy Tơ,

Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng

MẪU SỐ B 09 -DN

Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính***11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất VND
NGUYÊN GIÁ	
Tại ngày đầu năm	3.177.697.312
Tại ngày cuối năm	3.177.697.312
HAO MÒN LŨY KẾ	
Tại ngày đầu năm	1.779.738.168
Khấu hao trong năm	122.448.984
Tại ngày cuối năm	1.902.187.152
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày đầu năm	1.397.959.144
Tại ngày cuối năm	1.275.510.160

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số có khả năng		Số có khả năng	
	Giá trị VND	trả nợ VND	Giá trị VND	trả nợ VND
Ngắn hạn	4.217.458.529	4.217.458.529	268.749.130	268.749.130
Công ty CP thép Miền Bắc	2.779.467.152	2.779.467.152	-	-
Công ty TNHH TMĐT Thanh Hà	506.845.984	506.845.984	-	-
Công ty Cổ Phần Sông Hồng	430.562.000	430.562.000	-	-
Các đối tượng khác	500.583.393	500.583.393	268.749.130	268.749.130
Cộng	4.217.458.529	4.217.458.529	268.749.130	268.749.130

13. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Cổ phần Thành Đức Holding	-	29.130.623.940
Đối tượng khác	102.842.181	104.842.590
Cộng	102.842.181	29.235.466.530

*Người mua trả trước là các bên liên quan**(Chi tiết xem tại thuyết minh 28)*

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm VND	Số phải nộp/thu trong năm VND	Số đã thực nộp/ thu trong năm VND	Số cuối năm VND
<i>Phải thu</i>	<i>1.885.163.843</i>	<i>-</i>	<i>271.897.133</i>	<i>1.613.266.710</i>
Thuế TNCN	41.152.200	-	20.904.217	20.247.983
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	1.844.011.643	-	250.992.916	1.593.018.727
<i>Phải nộp</i>	<i>347.412.924</i>	<i>234.710.483</i>	<i>582.123.407</i>	<i>-</i>
Thuế TNDN	347.412.924	-	347.412.924	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	34.414.084	34.414.084	-
Các loại thuế khác	-	200.296.399	200.296.399	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÀNH THÁISố 6 đường Nguyễn Trãi, Phường Máy Tơ,
Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng**MẪU SỐ B 09 -DN**Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính***15. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<i>Vay ngắn hạn</i>	169.491.771.273	169.491.771.273	587.861.074.079	734.687.147.682	22.665.697.670	22.665.697.670
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - chi nhánh Ngô Quyền (1)	71.822.601.266	71.822.601.266	62.975.119.592	134.797.720.858	-	-
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng (2)	22.036.815.902	22.036.815.902	19.050.150.000	41.086.965.902	-	-
Công ty Cổ phần chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) (3)	75.632.354.105	75.632.354.105	369.440.476.067	445.072.830.172	-	-
Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Hải Phòng (4)	-	-	46.955.328.420	24.289.630.750	22.665.697.670	22.665.697.670
Vay cá nhân (5)	-	-	89.440.000.000	89.440.000.000	-	-
Cộng	169.491.771.273	169.491.771.273	587.861.074.079	734.687.147.682	22.665.697.670	22.665.697.670

- (1) Vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Ngô Quyền theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2022-HĐCVHM/NHCT168-KIMKHIKCC ngày 07/07/2022 thay thế cho Hợp đồng tín dụng số 01/2020-HĐTDHM168-KIMKHIKCC ngày 07/07/2020 và các phụ lục kèm theo, tổng hạn mức quy đổi ra đồng Việt Nam không vượt quá 80 tỷ đồng, mục đích vay dùng bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Số tiền vay, lãi suất, kỳ hạn theo từng kế ước nhận nợ cụ thể.
- (2) Vay Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng theo Hợp đồng cấp tín dụng số HPG201912476620/HDTD ngày 22/04/2019, phụ lục hợp đồng tín dụng số HPG2019123766620/HDTD/PL04 ngày 28/06/2022 và Phụ lục hợp đồng tín dụng số HPG201912476620/HDTD ngày 02/11/2022, hạn mức tín dụng là 130 tỷ đồng trong đó: hạn mức cho vay là 100 tỷ đồng, hạn mức L/C là 130 tỷ đồng trừ dư hạn mức cho vay (trong đó hạn mức phục vụ kinh doanh sắt thép xây dựng tối đa là 60 tỷ đồng). Mục đích vay là để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh thép (trừ thép phế). Lãi suất cho vay theo từng lần giải ngân được quy định cụ thể trên Đề nghị giải ngân kiêm Kế ước nhận nợ được lập theo mỗi lần rút vốn vay nhưng không thấp hơn lãi suất cho vay tối thiểu do Ngân hàng quy định tại từng thời kỳ theo từng đối tượng khách hàng. Tài sản đảm bảo là toàn bộ hàng tồn kho hình thành từ vốn vay Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÀNH THÁISố 6 đường Nguyễn Trãi, Phường Máy Tơ,
Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng**MẪU SỐ B 09 -DN**Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính***15. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

- (3) Vay Margin tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) theo hợp đồng mở tài khoản giao dịch ngày 16/12/2020.
- (4) Vay Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Hải Phòng theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 19513.22.251.2371377.TD ngày 24/05/2022, tổng hạn mức cho vay là 50 tỷ đồng, với mục đích vay dùng bổ sung vốn lưu động để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh lĩnh vực thương mại ngành thép. Lãi suất cho vay trong hạn của Khoản nợ là lãi suất ghi trên từng giấy nhận nợ hoặc lãi suất thả nổi được quy định tại giấy nhận nợ. Công ty sử dụng tài sản hình thành từ vốn vay để đảm bảo cho khoản vay trên.
- (5) Phản ánh khoản vay cá nhân theo hợp đồng vay số 01/HĐV/TT-TQT ngày 17/03/2022 với thời hạn vay 12 tháng, khoản vay không có tài sản đảm bảo, lãi suất 4,3%/năm, tuy nhiên nếu bên cho vay rút vốn trước hạn sẽ áp dụng lãi suất 0%.

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU*Biến động vốn chủ sở hữu*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
Số đầu năm trước	52.000.000.000	5.200.000.000	-	(7.774.838.245)	1.301.511.824	25.032.259.670	75.758.933.249
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	5.742.049.424	5.742.049.424
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(7.976.910.000)	(7.976.910.000)
Số đầu năm nay	52.000.000.000	5.200.000.000	-	(7.774.838.245)	1.301.511.824	22.797.399.094	73.524.072.673
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	(32.301.033.873)	(32.301.033.873)
(Giảm) cổ phiếu quỹ (*)	-	-	(2.696.860.498)	7.772.020.498	-	(5.075.160.000)	-
Số cuối năm nay	52.000.000.000	5.200.000.000	(2.696.860.498)	(2.817.747)	1.301.511.824	(14.578.794.779)	41.223.038.800

(*) Theo Nghị quyết hội đồng cổ đông bất thường số 01.9/2022/NQ-HĐCĐ ngày 28/09/2022, Công ty thực hiện phân phối 507.516 cổ phiếu quỹ để thưởng cho cổ đông hiện hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01.9/2021NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/9/2021, số 04/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 14/12/2021 và số 01/2022-NQ/ĐHĐCĐ ngày 29/4/2022 đại hội đồng cổ đông đã thông qua phương án phát hành 10.399.632 cổ phiếu, tuy nhiên đến thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty chưa thực hiện các thủ tục để phát hành cổ phiếu.

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hiện hành, vốn điều lệ của công ty là 52.000.000.000 đồng.

Danh sách cổ đông lớn như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	%	VND	%
Công ty CP Tập đoàn T&D Group	44.553.690.000	85,68	4.680.000.000	9,00
Trần Tuấn Linh	-	-	8.230.000.000	15,83
Phạm Khánh Chi	-	-	7.867.020.000	15,13
Bùi Thị Phương Ngân	-	-	3.047.000.000	5,86
Cổ đông khác	7.446.310.000	14,32	28.175.980.000	54,18
Cộng	52.000.000.000	100	52.000.000.000	100

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay VND	Năm trước VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	52.000.000.000	52.000.000.000
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	52.000.000.000	52.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	5.075.160.000	7.976.910.000

Cổ phiếu

	Số cuối năm (Cổ phiếu)	Số đầu năm (Cổ phiếu)
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.200.000	5.200.000
- <i>Số lượng cổ phiếu phổ thông</i>	5.200.000	5.200.000
Số lượng cổ phiếu quỹ	184	507.700
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.199.816	4.692.300
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	5.199.816	4.692.300

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND/cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÀNH THÁISố 6 đường Nguyễn Trãi, Phường Máy Tơ,
Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng**MẪU SỐ B 09-DN**Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính***17. KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngoại tệ (USD)	599,66	599,66

18. BÁO CÁO BỘ PHẬN**Báo cáo bộ phận chính yếu:**

Theo lĩnh vực kinh doanh, trong đó doanh thu bán hàng hóa là doanh thu liên quan đến hàng thương mại các mặt hàng sắt, thép, hoạt động khác là hoạt động thứ yếu.

Năm nay:

<u>Chỉ tiêu</u>	<u>Doanh thu VND</u>	<u>Giá vốn VND</u>	<u>Lãi gộp VND</u>
Kinh doanh thương mại	221.451.068.874	217.183.975.157	4.267.093.717
Hoạt động khác	4.887.338.646	2.652.728.275	2.234.610.371
Cộng	226.338.407.520	219.836.703.432	6.501.704.088

Năm trước

<u>Chỉ tiêu</u>	<u>Doanh thu VND</u>	<u>Giá vốn VND</u>	<u>Lãi gộp VND</u>
Kinh doanh thương mại sắt, thép	336.666.783.457	323.654.927.250	13.011.856.207
Hoạt động khác	12.976.680.330	8.705.724.151	4.270.956.179
Cộng	349.643.463.787	332.360.651.401	17.282.812.386

Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý do Công ty hoạt động chính tại địa bàn Hải Phòng.

19. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Năm nay VND</u>	<u>Năm trước VND</u>
<i>Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ trong năm</i>	<i>226.338.407.520</i>	<i>349.643.463.787</i>
Doanh thu kinh doanh sắt, thép	213.580.698.504	336.666.783.457
Doanh thu hoạt động khác	10.389.676.784	10.566.487.236
Doanh thu hoạt động cho thuê bãi	2 368 032 232	2.410.193.094
<i>Các khoản giảm trừ</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Doanh thu thuần	226.338.407.520	349.643.463.787
<i>Doanh thu với các bên liên quan</i>		
<i>(Chi tiết xem tại thuyết minh 28)</i>		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

20. GIÁ VỐN

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn bán hàng hóa, dịch vụ	217.183.975.157	323.654.927.250
Giá vốn dịch vụ khác	2.652.728.275	8.705.724.151
Cộng	219.836.703.432	332.360.651.401

21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	678.279.902	461.634.090
Thu nhập từ các khoản đầu tư	-	943.063.553
Lãi từ bán chứng khoán	2.290.507.224	-
Cổ tức	2.611.300.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá	106.715.640	65.177.105
Cộng	5.686.802.766	1.469.874.748

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	6.381.120.586	2.954.776.068
Lỗ từ kinh doanh chứng khoán	31.976.173.171	3.887.491.163
Lỗ chênh lệch tỷ giá	56.449.253	150.075.063
Hoàn nhập/ Dự phòng giảm giá chứng khoán	(1.490.638.850)	(5.147.424.533)
Cộng	36.923.104.160	1.844.917.761

23. CHI PHÍ BÁN HÀNG, CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
<i>Các khoản chi phí bán hàng phát sinh</i>	<i>3.858.323.987</i>	<i>4.462.264.491</i>
Chi phí nhân viên	1.474.082.970	2.341.718.110
Chi phí khấu hao TSCĐ	776.078.677	1.242.116.544
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.489.516.746	867.064.837
Các khoản chi phí QLDN khác	118.645.594	11.365.000
<i>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh</i>	<i>4.290.793.356</i>	<i>5.494.617.283</i>
Chi phí nhân viên	1.992.405.539	3.180.158.420
Chi phí khấu hao TSCĐ	431.106.828	431.106.828
Thuế, phí và lệ phí	289.407.000	200.851.252
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.559.102.959	1.550.735.270
Dự phòng	-	954.042
Chi phí khác	18.771.030	130.811.471

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÀNH THÁISố 6 đường Nguyễn Trãi, Phường Máy Tơ,
Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng**MẪU SỐ B 09-DN**Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính***24. LỢI NHUẬN KHÁC**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu nhập khác	605.270.388	379.414.471
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	605.094.323	339.366.783
Tiền phạt thu được	-	40.000.000
Các khoản khác	176.065	47.688
Chi phí khác	22.589.612	107.220.290
Các khoản chi phí khác	22.589.612	107.220.290
Lợi nhuận khác	582.680.776	272.194.181

25. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm hiện tại</i>		
Lợi nhuận trước thuế	(32.301.033.873)	7.223.081.780
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	3.792.410.198	182.080.000
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	6.403.710.198	182.080.000
<i>Chi phí không hợp lệ</i>	<i>22.589.612</i>	<i>182.080.000</i>
<i>Chi phí lãi vay chưa được tính năm nay</i>	<i>6.381.120.586</i>	<i>-</i>
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(2.611.300.000)	-
<i>Cổ tức</i>	<i>(2.611.300.000)</i>	<i>-</i>
Thu nhập chịu thuế	(28.508.623.675)	7.405.161.780
Thuế suất thông thường	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập hiện hành	-	1.481.032.356

26. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế	(32.301.033.873)	5.742.049.424
<i>Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông	(32.301.033.873)	5.742.049.424
Cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ	5.199.816	5.199.816
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(6.212)	1.104

Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước là 1.224 VND/cổ phiếu được điều chỉnh lại là 1.104 VND/cổ phiếu do trong năm Công ty thực hiện chia cổ phiếu quỹ cho các cổ đông hiện hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÀNH THÁISố 6 đường Nguyễn Trãi, Phường Máy Tơ,
Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng**MẪU SỐ B 09-DN**Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính***27. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	431.423.189	7.675.808.890
Chi phí nhân công	3.466.488.509	5.243.396.410
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.254.533.575	1.686.369.792
Thuế, phí, lệ phí	289.407.000	200.520.707
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.961.251.284	1.653.150.919
Chi phí dự phòng	-	954.042
Chi phí khác	351.393.991	805.634.012
Cộng	10.754.497.548	17.265.834.772

28. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI BÊN LIÊN QUAN*Bên liên quan***Bên liên quan****Bản chất bên liên quan**

Công ty cổ phần tập đoàn T&D	Cùng thành viên Ban lãnh đạo, Công ty mẹ
Công ty CP Thành Đức Holding	Cùng thành viên Ban lãnh đạo
Công ty TNHH Đầu tư và Du lịch Gia Minh	Cùng thành viên Ban lãnh đạo
Thành viên HĐQT, Ban Giám đốc, người thân của các thành viên Ban lãnh đạo	Ban lãnh đạo

Giao dịch với các bên liên quan:

Trong năm, Công ty phát sinh giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Bà Phạm Thị Minh Yến		
Vay ngắn hạn	-	11.055.200.000
Trả tiền vay	-	11.055.200.000
Công ty Cổ phần Thành Đức Holding		
Phải thu tiền bán hàng (bao gồm VAT)	11.815.304.252	29.564.642.423
Thu tiền bán hàng	11.815.304.252	58.695.316.372
Mua hàng hóa (Bao gồm VAT)	21.397.344.150	-
Thanh toán tiền hàng	21.397.344.150	-
Công ty Cổ phần tập đoàn T&D		
Phải thu tiền bán hàng (bao gồm VAT)	86.699.098.352	-
Thu tiền bán hàng	36.019.711.610	-
Công ty TNHH Đầu tư và Du lịch Gia Minh		
Phải thu tiền bán hàng (bao gồm VAT)	245.495.544	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÀNH THÁISố 6 đường Nguyễn Trãi, Phường Máy Tơ,
Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng**MẪU SỐ B 09-DN**Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính***28. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)***Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo):*

	Năm nay Cổ phiếu	Năm trước Cổ phiếu
<i>Nhận cổ tức bằng cổ phiếu quỹ</i>		
Công ty Cổ phần tập đoàn T&D	434.967	-

Số dư với các bên liên quan:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<i>Công ty CP Thành Đức Holding</i>		
Phải thu thương mại	652.731.962	-
<i>Công ty cổ phần tập đoàn T&D</i>		
Phải thu thương mại	21.548.762.802	-
Nhận tiền ứng trước	-	29.130.623.940
<i>Công ty TNHH Đầu tư và Du lịch Gia Minh</i>		
Phải thu thương mại	245.495.544	-

Các khoản lương, thưởng của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc

	Năm nay VND	Năm trước VND
Bà Phạm Thị Minh Yên- Chủ tịch	389.302.000	85.020.000
Bà Trịnh Thanh Nhân - Thành viên HĐQT	36.000.000	-
Ông Trần Trung Hiếu - Thành viên HĐQT	36.000.000	-
Ông Nguyễn Đức Dũng - Tổng Giám đốc (1)	216.400.000	-
Ông Phạm Bá Chính- Tổng Giám đốc (2)	-	-
Bà Mạc Thị Nhung - Kế toán trưởng	342.429.258	459.840.000
Bà Vũ Thị Hồng Liên - Trưởng Ban KS	207.787.837	327.180.000

(1) Miễn nhiệm ngày 20/9/2022

(2) Bổ nhiệm ngày 20/9/2022

29. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán khác.



Mạc Thị Nhung
Người lập biểu
Ngày 15 tháng 03 năm 2023



Mạc Thị Nhung
Kế toán trưởng




Phạm Bá Chính
Tổng Giám đốc